

KẾ HOẠCH**thực hiện Chương trình kiểm tra, giám sát
của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026 (đợt 3)**

Thực hiện Chương trình số 29-CTr/TW, ngày 11/7/2026 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026 (đợt 3); Quyết định số 238-QĐNS/TW, ngày 11/7/2026 của Bộ Chính trị về thành lập Đoàn Kiểm tra, giám sát năm 2026 (đợt 3) đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang; Kế hoạch ngày 28/7/2026 của Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238 về Kiểm tra, giám sát (đợt 3) đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang, Sơn La; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai nghiêm túc Quyết định, Kế hoạch của Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tập trung, thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc chuẩn bị báo cáo tự kiểm tra, giám sát, hồ sơ, tài liệu và các điều kiện phục vụ Đoàn; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, người chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành.

2. Đánh giá đúng, đầy đủ, khách quan, thực chất ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ; nêu cao tinh thần tự phê bình, phê bình, trách nhiệm, tính tự giác, gương mẫu của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chủ động nhận diện khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn”, xác định nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị đúng thẩm quyền.

3. Việc tự kiểm tra, giám sát phải làm rõ việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu, cơ quan tham mưu và cá nhân có liên quan trong công tác cán bộ; phân định rõ trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm theo 04 trục của hệ thống chính trị gồm trục Đảng, trục Hội đồng nhân dân, trục Ủy ban nhân dân, trục Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời xác định trách nhiệm ở từng khâu: Tham mưu, đề xuất, thẩm định, cho ý kiến, quyết định, tổ chức thực hiện, phối hợp, kiểm tra, giám sát và quản lý cán bộ sau quyết định; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, tổ chức, không xác định trách nhiệm chung chung, chồng chéo hoặc không đúng thẩm quyền.

4. Báo cáo phải bám sát từng mục, tiểu mục của Đề cương, ngắn gọn, rõ nghĩa, có số liệu và hồ sơ minh chứng; khi nêu hạn chế, khuyết điểm phải xác định rõ đối tượng, nội dung, số lượng, địa chỉ, nguyên nhân và trách nhiệm, không nêu chung chung. Các cơ quan, đơn vị phải sử dụng đúng biểu mẫu, thống nhất số liệu giữa báo cáo, phụ lục và hồ sơ; trường hợp không phát sinh nội dung phải ghi rõ và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát.

5. Việc đánh giá phải căn cứ văn bản có hiệu lực tại từng thời điểm, không áp dụng hồi tố văn bản ban hành sau để đánh giá công việc đã thực hiện trước đó. Tài liệu có độ mật, hồ sơ cán bộ, dữ liệu cá nhân được lập, giao nhận, khai thác, sao in, lưu trữ riêng theo đúng quy định của Đảng, pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định về quản lý hồ sơ cán bộ.

II- NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, MỐC THỜI GIAN KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Nội dung kiểm tra, giám sát

1.1. Kiểm tra

(1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, quy định của Trung ương về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.

(2) Kết quả thực hiện việc: Phân cấp quản lý cán bộ; xây dựng tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ; bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ; quy hoạch, luân chuyển cán bộ; công tác đánh giá cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ theo các quy định liên quan; kiểm tra, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; công tác chuyển đổi số.

1.2. Giám sát

Việc thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1, đợt 2 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026.

2. Đối tượng kiểm tra, giám sát và đơn vị dự kiến làm việc trực tiếp

2.1. Đối tượng kiểm tra, giám sát: Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.

2.2. Các đơn vị dự kiến làm việc trực tiếp:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự kiến các đơn vị làm việc với Đoàn gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Sở Nội vụ; Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường, đặc khu: xã Châu Phú, xã Giồng Riềng, phường Tịnh Biên.

- Danh sách chính thức các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được làm việc trực tiếp; thành phần, nội dung và lịch làm việc cụ thể thực hiện theo thông báo của Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238. Các đơn vị trong diện dự kiến phải khẩn trương xây dựng Báo cáo tự kiểm tra, giám sát theo Đề cương; hoàn thành phụ lục, biểu mẫu; chuẩn

bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu minh chứng, nội dung giải trình và các điều kiện cần thiết để phục vụ Đoàn, không chờ đến khi có thông báo hoặc lịch làm việc chính thức.

- Ngoài các đơn vị dự kiến làm việc nêu trên, tất cả các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và đảng ủy xã, phường, đặc khu phải chủ động xây dựng báo cáo thành phần hoặc báo cáo tự kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý; chuẩn bị phụ lục, biểu mẫu, danh mục văn bản, hồ sơ công việc, hồ sơ cán bộ, tài liệu minh chứng; phân công lãnh đạo phụ trách, cán bộ đầu mối và sẵn sàng cung cấp, báo cáo, giải trình, làm việc trực tiếp khi Đoàn yêu cầu.

3. Mốc thời gian

- Đối với nội dung kiểm tra: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 05/8/2026.

- Đối với nội dung giám sát: Từ thời điểm ban hành các kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1, đợt 2 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026.

- Thời gian Đoàn dự kiến thẩm tra, xác minh, làm việc trực tiếp: Từ ngày 10/8/2026 đến ngày 20/8/2026; toàn bộ chương trình hoàn thành trước ngày 30/9/2026.

III- PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, PHỤ LỤC VÀ HỒ SƠ, TÀI LIỆU

Đối với từng mục, tiểu mục của Đề cương, cơ quan chủ trì tham mưu phải đánh giá việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu, cơ quan tham mưu và cá nhân có liên quan; đồng thời, phân định rõ trách nhiệm theo 04 trục của hệ thống chính trị, gồm: Trục Đảng, trục Hội đồng nhân dân, trục Ủy ban nhân dân, trục Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, tổ chức. Việc đánh giá phải làm rõ kết quả thực hiện, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan, trách nhiệm và kết quả khắc phục. Trường hợp có nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức cùng tham gia một quy trình công tác cán bộ, phải xác định rõ trách nhiệm của từng trục, từng cấp và từng khâu: Đề xuất, thẩm định, cho ý kiến, quyết định, tổ chức thực hiện, phối hợp, kiểm tra, giám sát và quản lý cán bộ sau quyết định; không xác định trách nhiệm chung chung hoặc quy trách nhiệm không đúng chức năng, thẩm quyền.

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Báo cáo tự kiểm tra, giám sát; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ, rà soát tính thống nhất của nội dung, số liệu và hồ sơ; tiếp nhận, tổng hợp, tham mưu giải trình, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo và cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Đoàn.

Chủ trì tham mưu phần khái quát; Mục 1; các mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.7 và phối hợp tổng hợp các mục 2.6, 2.8, 2.9 Mục 3 Phần I; chủ trì tổng hợp Phần II, Phần III của Đề cương. Tổng hợp Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, biểu danh sách cán bộ điều động, luân chuyển; 07 biểu thống kê bổ sung; Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 và danh mục hồ sơ, tài liệu minh chứng. Đối với Mục 2.7 và Biểu 7, Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp tổng hợp nội dung bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ và Sở Tài chính cung cấp nội dung về chế độ, chính sách, tiền lương, phụ cấp, khen thưởng, thu hút, trọng dụng nhân tài và chính sách đối với cán bộ chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy. Nội dung phân công cụ thể theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

Chủ trì chuẩn bị báo cáo, số liệu, phụ lục và hồ sơ giải trình chuyên sâu đối với các nội dung Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Sở Nội vụ và các cơ quan tham mưu, phối hợp thống nhất phạm vi, nội dung, số liệu và hồ sơ phục vụ kiểm tra, giám sát đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; theo dõi, đôn đốc Ban Thường vụ Đảng ủy các đơn vị: xã Châu Phú, xã Giồng Riềng, phường Tịnh Biên và các tổ chức đảng được Đoàn lựa chọn xây dựng Báo cáo tự kiểm tra, giám sát theo phạm vi quản lý của từng đơn vị. Rà soát nội dung, số liệu, phụ lục, biểu mẫu và hồ sơ trước khi trình, cung cấp cho Đoàn.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Sở Nội vụ và các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung, số liệu, phụ lục, biểu mẫu và hồ sơ minh chứng thuộc khối chính quyền để phục vụ xây dựng Báo cáo tự kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với các mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.7, 2.9 Phần I và các nội dung liên quan tại Phần II, Phần III. Tổng hợp Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, biểu danh sách cán bộ điều động, luân chuyển; 07 biểu thống kê bổ sung; Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6 thuộc khối chính quyền. Phạm vi số liệu gồm cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác tại tỉnh và cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; không giới hạn trong phạm vi cán bộ thuộc quyền quản lý nội bộ của cơ quan, đơn vị tham mưu. Chịu trách nhiệm xác nhận số liệu trước khi gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Làm đầu mối tổng hợp về phân cấp quản lý; tiêu chuẩn chức danh; quy hoạch, tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; đánh giá; đào tạo, bồi dưỡng; tiền lương, phụ cấp, chế độ, chính sách; thu hút, trọng dụng nhân tài; cơ sở dữ liệu, hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; các trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, bố trí chưa phù hợp, không được bổ nhiệm, bị thay thế, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm hoặc xử lý theo quy định.

- Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các đơn vị có liên quan tham mưu Mục 2.5 Phần I và các chỉ tiêu tương ứng tại Biểu 6 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, theo các hiệp định hợp tác và các hình thức khác; làm rõ đối tượng, chương trình, cơ sở đào tạo, kinh phí và kết quả theo dõi, đánh giá sau đào tạo, bồi dưỡng.

2.2. Thanh tra tỉnh phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Mục 2.8 Phần I; cung cấp kết quả kê khai, công khai, kiểm tra, thẩm tra, xác minh tài sản, thu nhập và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ thuộc khối chính quyền; lập danh mục vụ việc, kết luận, kiến nghị, kết quả khắc phục và hồ sơ minh chứng; tham mưu các hạn chế, khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị có liên quan tại Phần II, Phần III, Phụ lục 5 và Phụ lục 6.

2.3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Mục 2.7 Phần I; cung cấp, xác nhận các chỉ tiêu tương ứng tại Biểu 7 về tiền lương, phụ cấp, khen thưởng, kinh phí thực hiện chế độ, chính sách, thu hút, trọng dụng nhân tài và chính sách đối với cán bộ chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy.

2.4. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tham mưu Mục 2.9 Phần I; cung cấp số liệu, hồ sơ về cơ sở dữ liệu cán bộ, hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý, hạ tầng, trang thiết bị, an toàn thông tin và nguồn nhân lực làm công tác chuyển đổi số.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Mục 2.8 Phần I về kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; việc kê khai, công khai, kiểm tra, thẩm tra, xác minh tài sản, thu nhập; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ; các nội dung nhạy cảm, phức tạp, đột xuất thuộc chức năng, nhiệm vụ.

Chủ trì, phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu xây dựng 01 báo cáo riêng Mục 3 Phần I về kết quả thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1, đợt 2 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026, trong đó phân loại làm rõ nội dung đã thực hiện xong, đang thực hiện, chưa thực hiện, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chưa hoàn thành, trách nhiệm và thời hạn hoàn thành; phối hợp chuẩn bị nội dung liên quan tại Phần II, Phần III.

4. Ban Nội chính Tỉnh ủy

Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan tổng hợp: Tại Mục 2.3 Phần I, tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị và thông tin cần lưu ý liên quan đến cán bộ trong quá trình rà soát, thẩm định nhân sự; phối hợp Mục 2.6 Phần I đối với đơn thư, vụ việc liên quan đến tiêu chuẩn chính trị; tại Mục 2.8 Phần I, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và những vụ việc nhạy cảm, phức tạp,

đột xuất đã báo cáo, xin chủ trương giải quyết. Cung cấp danh mục vụ việc, văn bản chỉ đạo, kết quả xử lý, hồ sơ minh chứng; phối hợp đối chiếu các chỉ tiêu có liên quan trong Biểu 4; tham mưu nội dung hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm, nhiệm vụ, giải pháp, Phụ lục 5 và Phụ lục 6.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chủ trì tham mưu nội dung phổ biến, quán triệt tại Mục 1 Phần I; phối hợp tham mưu Mục 2.6 Phần I về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, công tác chính trị, tư tưởng và tình hình cán bộ, đảng viên; cung cấp số liệu, văn bản, hồ sơ minh chứng và nội dung đánh giá, kiến nghị có liên quan.

6. Đảng ủy Công an tỉnh

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Mục 2.3 và Mục 2.6 Phần I về rà soát, thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị; thông tin liên quan đến cán bộ và gia đình cán bộ; quản lý cán bộ, đảng viên ra nước ngoài. Cung cấp, xác nhận số liệu thuộc Biểu 4 về thẩm định, thẩm tra, xác minh tiêu chuẩn chính trị, vi phạm tiêu chuẩn chính trị và vi phạm pháp luật hình sự; cung cấp hồ sơ, tài liệu theo chế độ mật và phối hợp làm rõ những nội dung có liên quan tại Mục 2.8, Phần II, Phần III của Đề cương.

7. Văn phòng Tỉnh ủy, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Đảng ủy Quân sự tỉnh; Đảng ủy Cơ quan Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

(1) **Văn phòng Tỉnh ủy:** Chủ trì tham mưu Mục 2.9 Phần I; các nội dung liên quan thuộc Phần II, Phần III của Đề cương và Phụ lục 4, Phụ lục 5, Phụ lục 6; cung cấp số liệu, hồ sơ về cơ sở dữ liệu cán bộ, hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý, hạ tầng, trang thiết bị, an toàn thông tin và nguồn nhân lực làm công tác chuyển đổi số thuộc Khối Đảng. Phối hợp với Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo Mục 3 Phần I: Thực hiện kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1, đợt 2.

(2) **Trường Chính trị Tôn Đức Thắng:** Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tham mưu Mục 2.5 Phần I và các chỉ tiêu tương ứng tại Biểu 6 về đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng; cung cấp kế hoạch, danh sách, kết quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và kết quả theo dõi sau đào tạo.

(3) **Đảng ủy Quân sự tỉnh:** Phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ tham mưu Mục 2.5 Phần I và các chỉ tiêu tương ứng tại Biểu 6 về bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối với các nhóm đối tượng; cung cấp kế hoạch, danh sách, kết quả và hồ sơ minh chứng.

(4) **Đảng ủy Cơ quan Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:** Lãnh đạo, chỉ đạo

các cơ quan, đơn vị thuộc trực được phân công khẩn trương rà soát, tổng hợp, xác nhận nội dung, số liệu, phụ lục, biểu mẫu, hồ sơ và tài liệu minh chứng; phân định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu, cơ quan tham mưu và cá nhân có liên quan trong từng khâu của công tác cán bộ; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất của thông tin cung cấp và cử đầu mối phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong quá trình tổng hợp, hoàn thiện báo cáo và chuẩn bị nội dung giải trình.

IV- CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Sở Nội vụ, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy và cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng báo cáo thành phần, phụ lục, biểu mẫu, danh mục văn bản, hồ sơ và tài liệu minh chứng phục vụ Báo cáo tự kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, bao gồm đảng ủy 102 xã, phường, đặc khu phải chủ động chuẩn bị Báo cáo tự kiểm tra, giám sát và hồ sơ của tổ chức đảng mình để làm việc với Đoàn khi được yêu cầu.

Toàn bộ báo cáo, phụ lục, biểu mẫu và danh mục hồ sơ của các cơ quan, đơn vị nêu trên gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy **chậm nhất ngày 03/8/2026; tiếp tục cập nhật số liệu, tài liệu đến ngày 10/8/2026 (nếu có).**

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Đảng ủy Sở Nội vụ hoàn thiện báo cáo, phụ lục, biểu mẫu, hồ sơ và nội dung giải trình theo lĩnh vực được giao tham mưu, phục vụ kiểm tra, giám sát đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các tổ chức đảng khác được Đoàn lựa chọn hoàn thiện Báo cáo tự kiểm tra, giám sát theo phạm vi quản lý của từng đơn vị; làm rõ ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm, kết quả khắc phục, đề xuất, kiến nghị; chuẩn bị địa điểm, thành phần, tài liệu, hồ sơ cán bộ tiêu biểu và nội dung giải trình khi Đoàn làm việc trực tiếp.

3. Các nội dung cần lưu ý

3.1. Việc xác định phạm vi số liệu theo phân cấp quản lý cán bộ được thực hiện như sau: (1) Đối với Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các báo cáo, số liệu, hồ sơ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Sở Nội vụ, các cơ quan tham mưu, phối hợp cung cấp để tổng hợp, phạm vi gồm cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác tại tỉnh và cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; các cơ quan, đơn vị này báo cáo theo chức năng tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, không tổng hợp theo phạm vi cán bộ thuộc quyền quản lý nội bộ của đơn vị; (2) đối với đảng ủy xã, phường được lựa chọn làm việc trực tiếp, số liệu gồm cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác tại địa phương

và cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường quản lý; (3) đối với tổ chức đảng trực thuộc khác được Đoàn lựa chọn làm việc trực tiếp, phạm vi số liệu thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của cấp ủy có thẩm quyền và yêu cầu cụ thể của Đoàn, trừ các cơ quan đang thực hiện vai trò tham mưu, tổng hợp theo điểm (1) nêu trên.

3.2. Các cơ quan, đơn vị sử dụng đúng Đề cương, Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, biểu danh sách cán bộ điều động, luân chuyển, 07 biểu thống kê và Phụ lục 4, 5, 6 gửi kèm. Đối với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Sở Nội vụ và các cơ quan tham mưu, phối hợp, nhóm “diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý” được tổng hợp theo cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác tại tỉnh; nhóm “diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý” được hiểu và ghi là “diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý”. Đối với đảng ủy xã, phường được lựa chọn làm việc trực tiếp, hai nhóm tương ứng được ghi là “diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý” và “diện Ban Thường vụ Đảng ủy xã, phường, đặc khu quản lý”. Không tự ý xóa, thay đổi kết cấu chỉ tiêu; trường hợp không phát sinh ghi “0” hoặc “không phát sinh”. Các biểu có mốc thời gian mở được gửi lần đầu **trước ngày 31/7/2026** và tiếp tục cập nhật, chốt số liệu **đến ngày 05/8/2026**; biểu có mốc thời gian riêng giữ nguyên theo mẫu của Đoàn.

3.3. Đối với tài liệu mật, tối mật hoặc hồ sơ có thông tin cá nhân, đơn vị lập danh mục và bộ tài liệu riêng, thực hiện giao nhận trực tiếp, không gửi qua hệ thống thông tin thông thường. Việc lựa chọn, cung cấp hồ sơ cá nhân phải đúng yêu cầu, phạm vi, thẩm quyền của Đoàn và quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, quản lý hồ sơ cán bộ.

V- TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Ngay sau khi Kế hoạch này được ban hành, các cơ quan, đơn vị phân công lãnh đạo phụ trách, cán bộ đầu mối; tổ chức rà soát Đề cương, phụ lục, biểu mẫu, hồ sơ và chủ động phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong quá trình chuẩn bị.

2. Chậm nhất ngày **31/7/2026**, tất cả cơ quan, đơn vị được phân công và các tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo thành phần hoặc Báo cáo tự kiểm tra, giám sát theo phạm vi xác định tại Kế hoạch này; các phụ lục, biểu mẫu, số liệu, đề xuất Phụ lục 4, 5, 6 và danh mục hồ sơ, tài liệu minh chứng; đồng thời gửi bản điện tử về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*qua Phòng Tổ chức cán bộ*¹) theo yêu cầu tại Công văn số 1753-CV/VPTU, ngày 27/7/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy.

3. Trong ngày **03/8/2026**, Ban Tổ chức Tỉnh ủy rà soát tính đầy đủ, thống nhất của nội dung, số liệu và hồ sơ; tổng hợp các vấn đề còn thiếu, chưa rõ hoặc chưa thống nhất để yêu cầu cơ quan, đơn vị bổ sung, giải trình ngay.

¹ Đ/c Phạm Dũng Tiến, số điện thoại: 0386498188.

4. Chậm nhất ngày **04/8/2026**, Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoàn thành dự thảo lần thứ nhất Báo cáo tự kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và bộ phụ lục, biểu mẫu kèm theo; gửi các cơ quan chủ trì nội dung rà soát, xác nhận số liệu, bổ sung hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm và nội dung giải trình.

5. Chậm nhất ngày **04/8/2026**, các cơ quan, đơn vị hoàn thành việc rà soát, xác nhận, bổ sung nội dung, số liệu và hồ sơ minh chứng; người đứng đầu cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của phần việc được giao.

6. Chậm nhất ngày **05/8/2026**, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và tham mưu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền; đồng thời chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ, tài liệu và phương án giải trình.

7. Trong ngày **05/8/2026**, hoàn chỉnh thủ tục trình ký, sao in, đóng gói, lập danh mục và tổ chức giao nhận Báo cáo tự kiểm tra, giám sát, các phụ lục, biểu mẫu, hồ sơ, tài liệu có liên quan; gửi Bộ Chính trị qua Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238.

8. Từ ngày **10/8/2026 đến ngày 20/8/2026**, các cơ quan, đơn vị duy trì trạng thái sẵn sàng phục vụ Đoàn thẩm tra, xác minh, làm việc trực tiếp; kịp thời cung cấp bổ sung, giải trình bằng văn bản và chịu trách nhiệm về nội dung theo yêu cầu của Đoàn.

9. Sau khi nhận dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Đoàn (*dự kiến trước ngày 25/8/2026*), Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp tham mưu tổ chức hội nghị thông qua dự thảo **trước ngày 31/8/2026**; tiếp tục phối hợp, cung cấp, giải trình và hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Đoàn đến khi kết thúc chương trình **trước ngày 30/9/2026**.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về tiến độ, chất lượng, tính chính xác của nội dung, số liệu và hồ sơ cung cấp; chủ động phối hợp, không chờ đợi, không chuyển trách nhiệm. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, nội dung nhạy cảm hoặc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy để xem xét, chỉ đạo.

2. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm cơ quan thường trực, chủ trì theo dõi, đôn đốc, rà soát, tổng hợp; kiểm tra việc áp dụng Đề cương, phụ lục, biểu mẫu và phạm vi số liệu theo đúng quy định tại Kế hoạch này; phối hợp với cơ quan thường trực Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238 cập nhật yêu cầu, thống nhất danh sách đơn vị làm việc trực tiếp, lịch thẩm tra, xác minh và nội dung cần chuẩn bị; báo cáo hằng ngày với Thường trực Tỉnh ủy trong giai đoạn cao điểm khi có yêu cầu.

3. Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy rà soát Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chuyên đề về công tác cán bộ khi cần thiết, bảo đảm phù hợp thực tiễn, không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động của Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238.

4. Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tham mưu công tác hậu cần, lễ tân, bảo đảm các điều kiện tiếp và làm việc với Đoàn đúng theo Kế hoạch đề ra.

(Kèm theo Đề cương nội dung kiểm tra, giám sát; Phụ lục 1, 2, 3; biểu danh sách cán bộ điều động, luân chuyển; 07 biểu thống kê; Phụ lục 4, 5, 6; Phụ lục phân công nhiệm vụ và danh mục tài liệu tham chiếu). Cat

Nơi nhận:

- Đoàn Kiểm tra, giám sát số 238 (b/c);
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy (để b/c);
- Các đ/c Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Đảng ủy Sở Nội vụ;
- Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lâm Minh Thành

ĐỀ CƯƠNG

**nội dung kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ
phục vụ Đoàn Kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026**
(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm, tình hình của địa phương (*vị trí địa lý, dân số, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh; tổng số tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; khái quát số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ và quy hoạch cán bộ hiện có...*), nhấn mạnh những yếu tố trực tiếp tác động đến công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ (*thuận lợi, khó khăn*); đánh giá sơ bộ về mô hình tổ chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

II- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện

1.1. Kết quả

- Công tác phổ biến, quán triệt: Số hội nghị, số văn bản được quán triệt, đối tượng, hình thức quán triệt, số lượng cán bộ tham gia; đánh giá chất lượng, hiệu quả việc quán triệt,...

- Việc cụ thể hóa các văn bản của Trung ương, ban hành các quy định, quy chế, hướng dẫn của địa phương trong công tác cán bộ theo thẩm quyền (*báo cáo và thống kê theo Phụ lục 1² gửi kèm theo*); trong đó, làm rõ mức độ đồng bộ giữa quy định của Trung ương và quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương; những nội dung nào chưa được cụ thể hóa hoặc đang sửa đổi, bổ sung (*Điều 56, Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ và các quy định liên quan*³).

- Việc thực hiện các nguyên tắc của Đảng trong công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ (*Điều 3 Quy định số 377*⁴).

1.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2. Kết quả triển khai, thực hiện công tác cán bộ

2.1. Phân cấp quản lý cán bộ

(1) Kết quả

² **Phụ lục 1.** Các văn bản, quy định cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương về công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương, từ ngày 01/01/2025 đến nay.

³ Điều 56. Tổ chức thực hiện

⁴ Điều 3. Nguyên tắc

- Quản lý cán bộ, thực hiện công tác cán bộ đối với cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý đang công tác tại địa phương (*Điều 7, 8, 9, Quy định 377⁵*).

- Quản lý cán bộ, thực hiện công tác cán bộ đối với các chức danh thuộc tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy quản lý (*Điều 9, Quy định 377*).

- Phân cấp, ủy quyền cho cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc quản lý đối với các chức danh cán bộ cấp dưới hoặc đối với đơn vị đặc thù (*nếu có*). (*Khoản 2, Điều 9, Quy định 377*).

Lưu ý: Trước ngày 01/7/2025, ban thường vụ tỉnh ủy phân cấp cho ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; từ ngày 01/7/2025 đến nay, phân cấp cho ban thường vụ cấp ủy cấp xã.

- Phối hợp quản lý đối với một số chức danh, chức vụ theo ngành dọc (*Khoản 2, Điều 9 và Điều 39, Quy định 377⁶*).

(2) *Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân*

Báo cáo, đánh giá cụ thể kết quả thực hiện, thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong công tác nêu trên; đồng thời thống kê: **(i)** Danh mục chức danh lãnh đạo thuộc Trung ương quản lý đang công tác tại địa phương (*Phụ lục 1, Quy định 377⁷*); các chức danh thuộc diện tỉnh ủy/thành ủy, ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy quản lý; **(ii)** Danh mục các chức danh ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý (*Các chức danh cán bộ công tác ở địa phương, trừ các chức danh nêu tại Phụ lục 1 và các chức danh theo ngành dọc*); **(iii)** Danh mục các chức danh phối hợp quản lý (*hiệp y khi bổ nhiệm, quy hoạch, điều động, luân chuyển... theo các chức danh ngành dọc*).

2.2. *Xây dựng tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ*

(1) *Kết quả*

- Kết quả cụ thể hóa và xây dựng tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy. (*Khoản 3, phần VI, Quy định số 365-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp⁸*).

- Kết quả xây dựng danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị ở địa phương (*Khoản 1, Điều 5, Quy định số 368-QĐ/TW,*

⁵ Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Chính trị; Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Bí thư; Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của các tỉnh ủy, thành ủy.

⁶ Khoản 2, Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; Điều 39. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương.

⁷ Phụ lục 1 Quy định 377. các chức danh cán bộ diện trung ương quản lý.

⁸ Phần VI Quy định số 365. Tổ chức thực hiện.

ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị⁹).

- Báo cáo việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh cụ thể: **(i)** Danh mục xây dựng tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy quản lý và tương đương; **(ii)** Kết quả chỉ đạo, xây dựng Danh mục tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý đã phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc (Khoản 3, phần VI, Quy định số 365).

(2) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.3. Công tác quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử (báo cáo cụ thể từng nội dung và thống kê kết quả theo biểu mẫu tại Phụ lục 2, 3¹⁰): Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị và Quy định số 65-QĐ/TW, ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ.

(1) Kết quả

- Kết quả thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm, nguyên tắc, quy trình của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu trong công tác quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và quản lý đội ngũ cán bộ; quản lý cán bộ sau quy hoạch, bổ nhiệm (Khoản 3, Điều 6, Quy định 377 và Khoản 2, Điều 6, Quy định 65).

- Kết quả công tác rà soát, đánh giá nguồn nhân sự và nhân sự (Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị); thực hiện quy trình lựa chọn, quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo phân cấp quản lý cán bộ (Quy trình quy hoạch: Phụ lục 3, Quy định 377; Quy trình điều động: điểm 1.2, khoản 1, Điều 45, Quy định 377; Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử: Điều 37 và Phụ lục 4, Quy định 377).

- Công tác thẩm định, thẩm tra, phối hợp rà soát thông tin về tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chính trị; những nội dung liên quan đến trách nhiệm, khuyết điểm, vi phạm, đơn thư khiếu nại, tố cáo và những thông tin cần lưu ý liên quan đến cán bộ; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan (Khoản 4, Điều 36, Quy định 377).

- Hồ sơ và quản lý hồ sơ cán bộ (Phụ lục 6, Quy định 377¹¹; Quy chế quản lý hồ sơ cán bộ số 01-QCTC/TW, ngày 07/11/1997 của Ban Tổ chức Trung ương, hiện đang sửa đổi, bổ sung).

- Kết quả cụ thể từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm kiểm tra, giám sát:

⁹ Điều 5. Tổ chức thực hiện.

¹⁰ **Phụ lục 2.** Danh sách cán bộ được bổ nhiệm và giới thiệu ứng cử (gồm cả bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử), từ ngày 01/01/2025 đến nay; **Phụ lục 3.** Danh sách cán bộ được điều động, luân chuyển, từ ngày 01/01/2025 đến nay.

¹¹ Phụ lục 6 Quy định 377. Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch; bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

+ *Số lượng phê duyệt quy hoạch cụ thể*: Bao nhiêu đồng chí? phân tích một số tiêu chí: **(i)** Lĩnh vực, địa bàn công tác; **(ii)** Giới tính, dân tộc; **(iii)** Chuyên môn đào tạo, lý luận chính trị; **(iv)** Cơ cấu độ tuổi quy hoạch; **(v)** Tỷ lệ cán bộ trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số (*nếu có*); **(vi)** Số lượng cán bộ được đưa vào quy hoạch từ nguồn nhân sự ở bên ngoài theo phương châm quy hoạch “động, mở”; **(vii)** Số lượng cán bộ quy hoạch được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch.

+ *Số lượng điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cụ thể*: Bao nhiêu đồng chí? phân tích một số tiêu chí: **(i)** Lĩnh vực, địa bàn công tác; **(ii)** Giới tính, dân tộc; **(iii)** Chuyên môn đào tạo, lý luận chính trị; **(iv)** Cơ cấu độ tuổi; **(v)** Tỷ lệ cán bộ trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số (*nếu có*); **(vi)** Số lượng cán bộ được bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ và nguồn nhân sự ở bên ngoài; **(vii)** Số lượng cán bộ điều động, luân chuyển để đào tạo ở thực tiễn.

- Số lượng cán bộ cấp tỉnh, cấp xã (*gồm cả cấp huyện từ ngày 01/01/2025 đến 01/7/2025*) được đề xuất nhưng không bổ nhiệm: ... cán bộ; số cán bộ sau khi được quy hoạch, bổ nhiệm không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, uy tín thấp, có vi phạm, khuyết điểm, đơn thư khiếu nại, tố cáo... phải đưa ra khỏi quy hoạch, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, cách chức theo Quy định 377 của Bộ Chính trị và các quy định liên quan: ... cán bộ; kết quả xử lý sai phạm còn tồn tại trong công tác cán bộ theo các Kết luận của Ban Bí thư (*các kết luận số: 232-KL/TW, ngày 08/01/2026; 27-KL/TW, ngày 21/02/2022; 71-KL/TW, ngày 24/3/2020; 48-KL/TW, ngày 26/4/2019*): ... cán bộ.

- Kết quả thực hiện công tác cán bộ cấp cơ sở theo Thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc với Ban Tổ chức Trung ương về giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở (*Kết luận số 21-TB/VPTW, ngày 07/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng*).

(2) *Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân*

Lưu ý: Trong đó, đánh giá sâu công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, điều động, luân chuyển cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, quản lý; việc bố trí cán bộ không là người địa phương; việc phân công, bố trí cán bộ theo Đề án nhân sự Đại hội đảng bộ (*số đúng, chưa đúng, chưa được bố trí so với Đề án, nguyên nhân chưa bố trí, bố trí không theo Đề án nếu có*).

2.4. Công tác đánh giá cán bộ

(1)- *Kết quả*

- Thẩm quyền, phương pháp, quy trình đánh giá cán bộ (*công tác chuẩn bị đánh giá; việc xây dựng, phê duyệt danh mục sản phẩm/công việc, lượng hóa tiêu chí, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh; xây dựng biểu mẫu liên thông giữa*

Hướng dẫn 43 và Hướng dẫn 02; việc thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, tự phê bình, phê bình trong đánh giá cán bộ): Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 và Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW, ngày 22/5/2026 của Ban Tổ chức Trung ương (*Thẩm quyền, trách nhiệm: Điều 8, Điều 13; Cách thức thực hiện: Điều 7; Quy trình thực hiện: Điều 12, Quy định 366*).

- Kết quả, chất lượng đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2025 và quý I, quý II năm 2026 theo Quy định 366 và Kết luận 198 của Bộ Chính trị, Kết luận 29 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hướng dẫn 02 của Ban Tổ chức Trung ương và các quy định liên quan (*gồm: Cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý đang công tác tại địa phương; cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy quản lý*).

- Kết quả đánh giá cán bộ trước khi thực hiện quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo Quy định 377 của Bộ Chính trị và các quy định liên quan.

(2). *Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân*

2.5. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

(1). *Kết quả*

- Kết quả xây dựng kế hoạch và đào tạo, bồi dưỡng hằng năm đối với nguồn cán bộ đương nhiệm và nguồn cán bộ được quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị: Việc thực hiện đối tượng, tiêu chuẩn đào tạo lý luận chính trị (*Quy định số 350-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị*); Việc thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý (*Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*); Việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng (*Hướng dẫn số 09/HĐ-HĐGDQPAN, ngày 31/5/2016 của Hội đồng giáo dục Quốc phòng và An ninh Trung ương*); Việc thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và theo các hiệp định hợp tác với nước ngoài (*đề nghị báo cáo rõ về đối tượng cán bộ, nội dung, chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng; về cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và đặc biệt quan tâm đánh giá kết quả sau đào tạo, bồi dưỡng, có số liệu, minh chứng cụ thể...*)

- Kết quả theo dõi, đánh giá cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng.

- *Việc gắn kết đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với quy hoạch cán bộ và bố trí, sử dụng cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng; kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ có trình độ làm việc trong môi trường quốc tế, cán bộ có trình độ*

khoa học, công nghệ...; kết quả theo dõi, đánh giá cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng; cập nhật, bổ sung kiến thức, kỹ năng mới đối với cán bộ.

(2) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.6. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng (Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng)

(1) Kết quả

- Kết quả thực hiện công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ và bảo vệ cán bộ, đảng viên; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, phòng ngừa, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của thế lực thù địch ở cơ quan, đơn vị, địa phương (*Nghị quyết 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*).

- Kết quả, chất lượng công tác rà soát, phối hợp thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị và các nội dung có liên quan đến cán bộ và gia đình cán bộ theo quy định; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan; công tác phối hợp trong bảo vệ chính trị nội bộ (*Quy định 367 và Hướng dẫn số 05-HD/BTCTW, ngày 12/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương*).

- Công tác quản lý cán bộ, đảng viên ra nước ngoài (*Quy định 367; Quy định số 392-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại; Điều 34, Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm*).

(2) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.7. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ

(1) Kết quả

- Kết quả thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ (*xếp lương theo vị trí chức danh, chức vụ đảm nhiệm; chuyển, xếp ngạch lương theo vị trí việc làm; nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc ...*) và công tác khen thưởng đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý (*Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14/12/2004 của Ban Bí thư về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể; Quyết định số 09-QĐ/TW, ngày 02/3/2026 của Ban Bí thư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 128-QĐ/TW của Ban Bí thư về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể và các quy định khác có liên quan...*).

- Kết quả xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ để thu hút, trọng dụng nhân tài, cán bộ có năng lực, chuyên môn sâu, kinh nghiệm ở một số lĩnh vực then chốt, quan trọng, khoa học công nghệ, chuyển đổi số... (*Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng,*

bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 263/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)

- Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử; chế độ chính sách đối với cán bộ trong sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị, địa phương (Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, ngày 15/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 178; Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và một số văn bản liên quan khác...).

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ theo quy định (Quy định 200-QĐ/TW, ngày 15/6/2026 của Ban Bí thư về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ diện Trung ương quản lý Quy định về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý...).

(2) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.8. Kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ đối với các đơn vị, cấp ủy trực thuộc (Quy định số 114-QĐ/TW, ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ)

(1) Kết quả

- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đã tổ chức kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ (phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ; trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, người đứng đầu trong công tác cán bộ và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ) bao nhiêu đoàn đối với các đơn vị, cấp ủy trực thuộc và cá nhân (nếu có); chuyển biến sau kiểm tra, giám sát,

kết quả, ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị (nếu có): Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

- Việc tổ chức thực hiện việc kê khai, công khai, thẩm tra, xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập; trong đó, đánh giá sâu kết quả thực hiện đối với cán bộ diện ban thường vụ quản lý (*Luật phòng chống tham nhũng sửa đổi, bổ sung và Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ*)

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ (*tổng thể và từng lĩnh vực*); những nội dung nhạy cảm, phức tạp, đột xuất phát sinh vượt quá thẩm quyền về tổ chức, cán bộ đã báo cáo, đề xuất cấp trên cho chủ trương giải quyết.

(2) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.9. Công tác chuyển đổi số (Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2004 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 29-KH/BTCTW, ngày 15/5/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về tổng thể chuyển đổi số của Ban Tổ chức Trung ương và ngành Tổ chức xây dựng Đảng năm 2026 và giai đoạn đến năm 2030; Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW, ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động 100 ngày xử lý điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị; Kế hoạch số 16-KH/BTCTW, ngày 16/7/2026 của Ban Tổ chức Trung ương triển khai chiến dịch 100 ngày thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của ngành Tổ chức xây dựng Đảng)

(1) Kết quả

Kết quả xây dựng dữ liệu cán bộ, hồ sơ điện tử, phần mềm quản lý, cơ sở, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số và nguồn cán bộ làm công tác chuyển đổi số.

(2) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Lưu ý: Để minh họa, làm rõ hơn kết quả thực hiện, đề nghị tổng hợp, thống kê số liệu về công tác cán bộ từ Phụ lục 4 đến Phụ lục 10¹² gửi kèm theo.

3. Kết quả thực hiện các kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1 và đợt 2 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2026

¹² **Phụ lục 4.** Tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị, (số liệu tính đến thời điểm hiện tại); **Phụ lục 5.** Thống kê số liệu về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, từ ngày 01/01/2025 đến nay; **Phụ lục 6.** Thống kê số liệu về điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, từ ngày 01/01/2025 đến nay; **Phụ lục 7.** Thống kê số liệu về kết quả thẩm tra, xác minh tiêu chuẩn chính trị và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, từ ngày 01/01/2025 đến nay; **Phụ lục 8.** Thống kê số liệu về kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ năm 2025 và quý I, II năm 2026 đối với cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý, từ ngày 01/01/2025 đến nay; **Phụ lục 9.** Thống kê số liệu về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, từ ngày 01/01/2025 đến nay; **Phụ lục 10.** Thống kê số liệu về thực hiện chế độ chính sách và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, từ ngày 01/01/2025 đến nay.

3.1. Kết quả thực hiện Kết luận giám sát đợt 1

3.2. Kết quả thực hiện Kết luận giám sát đợt 2

Lưu ý: Báo cáo rõ nội dung đã thực hiện xong, đang thực hiện (dự kiến chất lượng và thời gian hoàn thành), chưa thực hiện; khó khăn, vướng mắc, tồn tại, nguyên nhân.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Ưu điểm.

2. Khó khăn, vướng mắc; hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân (tổng hợp khái quát từ những nội dung cụ thể đã đánh giá ở trên).

3. Bài học kinh nghiệm và mô hình, cách làm hiệu quả.

4. Một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp trong thời gian tới.

IV- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Đối với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan.

3. Đối với Đoàn kiểm tra¹³.

Lưu ý: Yêu cầu việc đánh giá phải trên cơ sở kết quả thực hiện các nội dung trên, đối chiếu với mục đích, yêu cầu của Nghị quyết, Chỉ thị và các văn bản có liên quan. Khi nêu hạn chế phải xác định rõ đối tượng, nội dung, số lượng, địa chỉ cụ thể; không nêu chung chung. Đánh giá những nội dung không đạt được, nguy cơ không đạt được (nếu có) và nguyên nhân, có số liệu minh họa (tương ứng với 09 nội dung nêu tại mục 2, phần II và các nội dung khác liên quan); từ đó xác định những nội dung cần lãnh đạo, chỉ đạo, khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ. Đề xuất, kiến nghị cụ thể, rõ nội dung, trách nhiệm, thời hạn giải quyết nhằm hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Ghi chú: Mốc thời gian để xây dựng báo cáo là từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm kiểm tra, giám sát; Các văn bản tham chiếu tương ứng nêu tại các mục là văn bản mới, đã sửa đổi, bổ sung và đang có hiệu lực thi hành; đối với khoảng thời gian từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm ban hành các văn bản tương ứng, đề nghị các đồng chí căn cứ vào các văn bản có hiệu lực tại thời điểm đó để làm cơ sở xây dựng báo cáo, cụ thể:

¹³ **Phụ lục 11.** Tổng hợp mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác cán bộ; **Phụ lục 12.** Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong công tác cán bộ. **Phụ lục 13.** Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, “nâng tầm” nội dung các Quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Đề xuất, kiến nghị.

- Trước thời điểm ban hành Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị là: Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022; Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021; Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021; Quy định số 148-QĐ/TW, ngày 23/5/2024; Thông báo kết luận số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 và Kết luận số 165-KL/TW, ngày 07/6/2025 của Bộ Chính trị.

- Trước thời điểm ban hành Quy định số 365-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị là Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017, Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị.

- Trước thời điểm ban hành Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 là Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 04/10/2023 của Bộ Chính trị.

- Trước thời điểm ban hành Quy định số 350-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư là Quy định 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư.

- Trước thời điểm ban hành Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 là Quy định số 58-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị.

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG CHI TIẾT NỘI DUNG, PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nội dung/biểu mẫu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm chủ yếu	Thời hạn
1	Khái quát; Mục 1 Phần I: lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy; các đảng ủy, cơ quan, đơn vị	Báo cáo; Phụ lục 1; danh mục văn bản, hội nghị, tài liệu quán triệt	31/7/2026
2	Mục 2.1: Phân cấp quản lý cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; Sở Nội vụ; các khối, đơn vị liên quan	Danh mục chức danh Trung ương, BTVTU quản lý; danh mục phân cấp, phối hợp quản lý; hồ sơ minh chứng	31/7/2026
3	Mục 2.2: Tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các đảng ủy trực thuộc	Danh mục chức danh; tiêu chuẩn, tiêu chí; văn bản cụ thể hóa; tồn tại, nguyên nhân	31/7/2026
4	Mục 2.3: Quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và các nội dung liên quan	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Công an tỉnh; các khối, cơ quan, đơn vị liên quan	Phụ lục 2, 3; danh sách điều động, luân chuyển; Biểu 2, 3; hồ sơ mẫu; danh mục đơn thư, thông tin cần lưu ý; kết quả thẩm tra, xác minh; số liệu, hạn chế	31/7/2026
5	Mục 2.4: Công tác đánh giá cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các đảng ủy, cơ quan, đơn vị	Biểu 5; kết quả năm 2025, quý I, II/2026; đánh giá trước quy trình; hồ sơ minh chứng	31/7/2026
6	Mục 2.5: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Biểu 6; Trường Chính trị tổng hợp đào tạo lý luận chính trị, cập nhật kiến thức; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổng hợp quốc phòng, an ninh; Sở Nội vụ tổng hợp khối chính quyền	31/7/2026
7	Mục 2.6: Bảo vệ chính trị nội bộ Đảng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Công an tỉnh; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; các cơ quan liên quan	Biểu 4; Công an tỉnh cung cấp số liệu thẩm định, thẩm tra, xác minh, vi phạm tiêu chuẩn chính trị, vi phạm pháp luật hình sự; Ban Nội chính phối hợp đơn thư, vụ việc; hồ sơ mật	31/7/2026

STT	Nội dung/biểu mẫu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm chủ yếu	Thời hạn
8	Mục 2.7: Chế độ, chính sách đối với cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tổng hợp; Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	Biểu 7: Sở Nội vụ, Sở Tài chính cung cấp nội dung chế độ, chính sách, tiền lương, phụ cấp, khen thưởng, thu hút nhân tài, chính sách sau sắp xếp; Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp nội dung bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	31/7/2026
9	Mục 2.8: Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Thanh tra tỉnh; Công an tỉnh; các cấp ủy trực thuộc	Số cuộc kiểm tra, kết luận, kết quả khắc phục; kê khai, công khai, thẩm tra, xác minh tài sản, thu nhập; đơn thư; vụ việc nhạy cảm; danh mục vụ việc, hồ sơ minh chứng	31/7/2026
10	Mục 2.9: Công tác chuyển đổi số	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các cơ quan liên quan	Dữ liệu cán bộ, hồ sơ điện tử, phần mềm, hạ tầng, thiết bị, an toàn thông tin, nhân lực	31/7/2026
11	Mục 3 Phần I: Thực hiện kết luận kiểm tra, giám sát đợt 1, đợt 2	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các cơ quan được giao thực hiện kết luận	Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan xây dựng báo cáo riêng đánh giá kết quả thực hiện các kết luận giám sát đợt 1 và đợt 2 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Bảng theo dõi nội dung đã xong, đang thực hiện, chưa thực hiện; tiến độ, trách nhiệm, minh chứng	31/7/2026
12	Phần II, III: Đánh giá chung, nhiệm vụ, giải pháp, đề xuất, kiến nghị	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Tất cả cơ quan chủ trì nội dung	Phụ lục 4, 5, 6; đánh giá có địa chỉ, số liệu; kiến nghị đúng thẩm quyền và có thuyết minh	31/7/2026
13	Biểu 1: Tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các khối Đảng, HĐND, MTTQ, chính quyền, lực lượng vũ trang	Biểu tổng quan theo phân cấp quản lý cán bộ; xác nhận số liệu từng khối	31/7/2026
14	Biểu 2: Công tác quy hoạch	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các đảng ủy, cơ quan, đơn vị	Biểu quy hoạch theo nhiệm kỳ, phân cấp, cơ cấu, độ tuổi, trình độ, nguồn quy hoạch	31/7/2026
15	Biểu 3: Điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các đảng ủy, cơ quan, đơn vị	Biểu thống kê theo nhiệm kỳ, phân cấp, cơ cấu, nguồn nhân sự	31/7/2026

STT	Nội dung/biểu mẫu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm chủ yếu	Thời hạn
16	Biểu 4: Bảo vệ chính trị nội bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Công an tỉnh; Ban Nội chính Tỉnh ủy; các cơ quan liên quan	Công an tỉnh cung cấp, xác nhận số liệu thẩm định, thẩm tra, xác minh, vi phạm tiêu chuẩn chính trị và vi phạm pháp luật hình sự; Ban Nội chính phối hợp vụ việc, đơn thư; Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp	31/7/2026
17	Biểu 5: Đánh giá, xếp loại cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các đảng ủy, cơ quan, đơn vị	Biểu năm 2025, quý I, quý II/2026; số không hoàn thành 2 quý; số đã thay thế	31/7/2026
18	Biểu 6: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Biểu lý luận chính trị, cập nhật kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ, quốc phòng-an ninh, đào tạo ở nước ngoài; từng cơ quan xác nhận phần số liệu thuộc chức năng	31/7/2026
19	Biểu 7: Chế độ, chính sách và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tổng hợp	Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ; Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	Sở Nội vụ, Sở Tài chính cung cấp các chỉ tiêu về chế độ, chính sách; Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ; đối chiếu, xác nhận nguồn số liệu	31/7/2026
20	Báo cáo và hồ sơ của các đơn vị dự kiến chuẩn bị để Đoàn làm việc trực tiếp	Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, rà soát, tổng hợp	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy Sở Nội vụ; BTV Đảng ủy các đơn vị: xã Châu Phú, xã Giồng Riềng, phường Tịnh Biên; các đơn vị được Đoàn lựa chọn	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy Sở Nội vụ: báo cáo, phụ lục, biểu mẫu và hồ sơ giải trình theo lĩnh vực tham mưu phục vụ Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các đảng ủy địa phương: Báo cáo tự kiểm tra, giám sát, hồ sơ cán bộ tiêu biểu và phương án giải trình	31/7/2026
21	Chủ động chuẩn bị báo cáo, phụ lục, biểu mẫu và hồ sơ tại tất cả cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng trực thuộc	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị; ban thường vụ/cấp ủy trực thuộc	Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc; các cơ quan chủ trì nội dung phối hợp	Báo cáo thành phần hoặc Báo cáo tự kiểm tra, giám sát; phụ lục, biểu mẫu; danh mục văn bản, hồ sơ, tài liệu minh chứng; cán bộ đầu mối; sẵn sàng cung cấp, giải trình khi có yêu cầu	Gửi trước 031/7; cập nhật đến 05/8/2026

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

PHỤ LỤC 1

Các văn bản, quy định cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương về công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Số ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung văn bản
I	Công tác phân cấp quản lý cán bộ; xây dựng tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ theo phân cấp	
1	...	
2	...	
...		
II	Công tác quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	
1	...	
2	...	
...		
III	Công tác đánh giá cán bộ	
1	...	
2	...	
...		
IV	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	
1		
2		
...		
V	Công tác bảo vệ chính trị nội bộ	
1		
2		
...		
VI	Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ	

STT	Số ký hiệu văn bản	Trích yếu nội dung văn bản
1		
2		
...		
VII	Công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ đối với các đơn vị, cấp ủy trực thuộc	
1		
2		
...		
VIII	Công tác chuyển đổi số	
1		
2		
...		

* **Lưu ý:** Thông kê các văn bản của cơ quan, đơn vị, địa phương có hiệu lực thi hành trong mốc thời gian kiểm tra, giám sát.

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CÁN BỘ ĐƯỢC BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU ỨNG CỬ
(GỒM CẢ BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ)

(từ 01/01/2025 đến thời điểm kiểm tra, giám sát)

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trình độ		Chức danh trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử	Chức danh sau khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử	Ghi chú
				Chuyên môn, nghiệp vụ	Lý luận chính trị			
A. NHIỆM KỲ 2020-2025, 2021-2026								
I. Danh sách bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh diện Trung ương quản lý								
1								
2								
...								
II. Danh sách bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh diện cơ quan, đơn vị quản lý								
1								
2								
...								
B. NHIỆM KỲ 2025-2030, 2026-2031								
I. Danh sách bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh diện Trung ương quản lý								
1								

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trình độ		Chức danh trước khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử	Chức danh sau khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử	Ghi chú
				Chuyên môn, nghiệp vụ	Lý luận chính trị			
2								
...								
II. Danh sách bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh diện cơ quan, đơn vị quản lý								
1								
2								
...								

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁN BỘ ĐƯỢC ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN

(từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm kiểm tra, giám sát)

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trình độ		Chức vụ/Đơn vị trước khi điều động, luân chuyển	Chức vụ/Đơn vị điều động, luân chuyển đến	Thời gian luân chuyển	Ghi chú
				Chuyên môn, nghiệp vụ	Lý luận chính trị				
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									
18									
19									
Tổng số cán bộ điều động, luân chuyển: ... cán bộ (cán bộ điều động ...; cán bộ luân chuyển ...)									

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày ... tháng ... năm 2026

**PHỤ LỤC 4: TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
CỦA ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**
(Số liệu cập nhật tính đến ngày .../.../2026)
(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cán bộ						
Cơ cấu cán bộ:	- Cán bộ nữ					
	- Cán bộ trẻ					
	- Cán bộ người dân tộc thiểu số					
	- Cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ, CDS					
Chia theo khối:	- Các cơ quan Đảng					
	- Chính phủ và UBND					
	- Quốc hội và HĐND					
	- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội					
	- Lực lượng vũ trang					
Độ tuổi:	- Dưới 37 tuổi					
	- Từ 37 đến dưới 42 tuổi					
	- Từ 42 đến dưới 47 tuổi					
	- Từ 47 đến dưới 52 tuổi					
	- Từ 52 đến dưới 57 tuổi					
	- Từ 57 đến dưới 62 tuổi					
	- Từ 62 tuổi trở lên					
Trình độ học vấn:	- Cao đẳng					
	- Đại học					
	- Thạc sĩ					
	- Tiến sĩ					
	- PGS và GS					
	- Cao cấp (hoặc cử nhân)					

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Lý luận chính trị:	- Trung cấp					
	- Sơ cấp					
	- Chưa qua đào tạo					

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày ... tháng ... năm 2026

PHỤ LỤC 7: THỐNG KÊ SỐ LIỆU
VỀ KẾT QUẢ THẨM TRA, XÁC MINH TIÊU CHUẨN CHÍNH TRỊ
VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ
(Tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày .../.../2026)
(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1- Thẩm định tiêu chuẩn chính trị:						
Trong đó:	- Có vấn đề chính trị nhưng không vi phạm					
	- Có vấn đề chính trị phức tạp					
	- Vi phạm tiêu chuẩn chính trị					
	- Vấn đề khác					
2- Thẩm tra xác minh:						
Trong đó:	- Có vấn đề chính trị nhưng không vi phạm					
	- Có vấn đề chính trị phức tạp					
	- Vi phạm tiêu chuẩn chính trị					
	- Vấn đề khác					
3- Qua thẩm định, thẩm tra, xác minh:						
Trong đó:	- Đề xuất không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử					
	- Đề xuất không phê duyệt quy hoạch					
4- Kết quả xử lý sai phạm trong công tác cán bộ theo Kết luận số 232-KL/TW, ngày 08/01/2026 của Ban Bí thư						
Trong đó:	- Sai phạm trong tuyển dụng					
	- Sai phạm trong bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử					
5- Bị xử lý kỷ luật Đảng, chính quyền:						
Trong đó:	- Khiển trách					
	- Cảnh cáo					
	- Cách chức/giáng chức					
	- Khai trừ/buộc thôi việc					
6- Vi phạm pháp luật hình sự (có quyết định khởi tố của cơ quan điều tra):						

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm 2026

PHỤ LỤC 8: THÔNG KÊ SỐ LIỆU
VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁN BỘ NĂM 2025 VÀ QUÝ I, II NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁN BỘ DIỆN CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG QUẢN LÝ
(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Tiêu chí		Năm 2025		Quý I/2026		Quý II/2026	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Tổng số cán bộ được đánh giá							
Kết quả đánh giá:	- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ						
	- Hoàn thành tốt nhiệm vụ						
	- Hoàn thành nhiệm vụ						
	- Không hoàn thành nhiệm vụ						
2. Số cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ 2 quý liên tiếp							
3. Số cán bộ đã thay thế							

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày ... tháng ... năm 2026

**PHỤ LỤC 9: THÔNG KÊ SỐ LIỆU
VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ**
(Tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày .../.../2026)
(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ *	Số lượng	Tỷ lệ *
1- Đào tạo lý luận chính trị:						
Trong đó:	- Cao cấp					
	- Trung cấp					
2- Bồi dưỡng cán bộ:						
Trong đó:	Cập nhật kiến thức, kỹ năng như:					
	- Phó ban đảng, thứ trưởng và tương đương (nhóm 2)					
	- Cán bộ nguồn nhiệm kỳ tới					
	- Chuyên môn như: QLNN...					
	- Nghiệp vụ như: Công tác Đảng, đoàn thể...					
3- Bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng:						
Trong đó:	- Đối tượng 1					
	- Đối tượng 2					
	- Đối tượng 3					
	- Đối tượng 4					
4- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và theo các hiệp định hợp tác với nước ngoài:						
Trong đó:	- Bằng ngân sách nhà nước					
	- Theo các hiệp định hợp tác					
	- Khác...					

* Tỷ lệ % so sánh với tổng số nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm 2026

**PHỤ LỤC 9: THÔNG KÊ SỐ LIỆU
VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ**

(Tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày .../.../2026)

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ *	Số lượng	Tỷ lệ *
1- Đào tạo lý luận chính trị:						
Trong đó:	- Cao cấp					
	- Trung cấp					
2- Bồi dưỡng cán bộ:						
Trong đó:	Cập nhật kiến thức, kỹ năng như:					
	- Phó ban đảng, thứ trưởng và tương đương (nhóm 2)					
	- Cán bộ nguồn nhiệm kỳ tới					
	- Chuyên môn như: QLNN...					
	- Nghiệp vụ như: Công tác Đảng, đoàn thể...					
3- Bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng:						
Trong đó:	- Đối tượng 1					
	- Đối tượng 2					
	- Đối tượng 3					
	- Đối tượng 4					
4- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và theo các hiệp định hợp tác với nước ngoài:						
Trong đó:	- Bằng ngân sách nhà nước					
	- Theo các hiệp định hợp tác					
	- Khác...					

* Tỷ lệ % so sánh với tổng số nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày ... tháng ... năm 2026

**PHỤ LỤC 10: THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ
THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ**
(Tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày .../.../2026)
(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1. Xếp ngạch chuyên viên cao cấp						
Trong đó:	- Trưởng các sở, ngành					
	- Trưởng các ban tham mưu của Đảng, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội					
	- Cấp phó các sở, ngành					
	- Cấp phó các ban tham mưu của Đảng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội					
	- Các trường hợp khác (điều động, luân chuyển)					
2. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước						
3. Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử						
Trong đó:	- Nghỉ hưu trước tuổi					
	- Nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu					
4. Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ chịu ảnh hưởng bởi sắp xếp tổ chức bộ máy						
Trong đó:	- Nghỉ hưu trước tuổi					
	- Nghỉ thôi việc					
	- Cán bộ, công chức được tăng cường đi công tác ở cơ sở					
5. Chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài						
Trong đó:	- Lĩnh vực khoa học, công nghệ					
	- Lĩnh vực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
	- Các lĩnh vực khác					
6. Chăm sóc sức khỏe cán bộ						
	- Kiểm tra sức khỏe định kỳ đối với cán bộ					

Tiêu chí		Tổng số	Theo phân cấp quản lý cán bộ			
			Diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý		Diện cấp ủy, tổ chức đảng quản lý	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Trong đó:	- Khám chữa bệnh					
	- Thăm hỏi ốm đau					
	- Hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh					

PHỤ LỤC 11: TỔNG HỢP

Mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác cán bộ

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên mô hình, cách làm	Vấn đề tồn tại trước đây	Mô tả ngắn gọn về mô hình, cách làm	Kết quả đạt được (số liệu minh chứng và khả năng nhân rộng)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

PHỤ LỤC 12: TỔNG HỢP

Khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” trong công tác cán bộ

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn”	Nguyên nhân	Đề xuất hướng khắc phục
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

PHỤ LỤC 13: ĐỀ XUẤT

**Nội dung sửa đổi, bổ sung, “nâng tầm” nội dung các Quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư
và các văn bản liên quan về công tác cán bộ**

(Kèm theo Kế hoạch số 114-KH/TU, ngày 31/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Ghi chú: Nội dung sửa đổi, bổ sung được **bôi đậm**; nội dung lược bỏ được ~~gạch ngang~~.

1- Quy định số-QĐ/TW, ngày .../.../.... của Bộ Chính trị

Chương, điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Bộ Chính trị	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung, “nâng tầm”	Thuyết minh và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú

2- Quy định số-QĐ/TW, ngày .../.../.... của Ban Bí thư

Chương, điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Bộ Chính trị	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung, “nâng tầm”	Thuyết minh và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú

3- Văn bản khác (nếu có)

Chương, điều, khoản, điểm	Quy định hiện hành của Bộ Chính trị	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung, “nâng tầm”	Thuyết minh và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
